

*Chương V***KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT****Điều 19. Khen thưởng**

Hàng năm hoặc định kỳ, Ban chấp hành Trung ương Hội xét khen thưởng các Hội viên xuất sắc, các Hội, các Chi hội có nhiều thành tích hoạt động nghề nghiệp và cho những công trình, sáng tạo xuất sắc trong lĩnh vực quy hoạch và phát triển đô thị. Giải thưởng về thiết kế quy hoạch và phát triển đô thị.

Quỹ khen thưởng được lấy từ các nguồn tài trợ và tài chính của Hội.

Điều 20. Kỷ luật

Việc thi hành kỷ luật các Hội viên vi phạm Điều lệ, Nghị quyết và nguyên tắc hoạt động của Hội và khai trừ Hội viên ra khỏi Hội do cấp Hội có thẩm quyền kết nạp quyết định.

*Chương VI***ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 21. Sửa đổi Điều lệ Hội**

Điều lệ của Hội được sửa đổi khi có đề nghị của Ban Chấp hành Trung ương Hội và phải được Đại hội đại biểu toàn quốc thông qua với đa số đại biểu dự Đại hội tán thành.

Điều 22. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Điều lệ này của Hội có 6 Chương gồm 22 Điều, đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của Hội thông qua và có hiệu lực theo quyết định của Bộ Nội vụ.

2. Các Hội viên và tổ chức trực thuộc Hội chịu trách nhiệm thi hành Điều lệ này./.

BỘ QUỐC PHÒNG

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng số 79/2004/QĐ-BQP ngày 07/6/2004 về việc phân định địa bàn xét xử của các Tòa án quân sự.

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996 được sửa đổi, bổ sung ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Tổ chức Tòa án quân sự năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 30/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Xét đề nghị của Chánh án Tòa án quân sự Trung ương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân định địa bàn xét xử của các Tòa án quân sự như sau:

1. Địa bàn xét xử của các Tòa án quân sự quân khu và Tòa án quân sự Quân chủng Hải quân:

a) Tòa án quân sự quân khu xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn của quân khu mình;

b) Tòa án quân sự Quân chủng Hải quân xét xử các vụ án hình sự sau đây, không phụ thuộc vào nơi thực hiện tội phạm:

- Các vụ án mà bị cáo là người của các đơn vị thuộc Quân chủng Hải quân quản lý;

- Các vụ án gây thiệt hại cho các đơn vị thuộc Quân chủng Hải quân.

2. Địa bàn xét xử của các Tòa án quân sự khu vực:

a) Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 1 có trụ sở tại thành phố Thái Nguyên xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn và Thái Nguyên;

b) Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 1 có trụ sở tại thị xã Bắc Giang xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy

ra trên địa bàn các tỉnh: Lạng Sơn, Bắc Giang và Bắc Ninh;

c) Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 2 có trụ sở tại thành phố Yên Bái xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai và Lai Châu;

d) Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 2 có trụ sở tại thành phố Việt Trì xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn các tỉnh: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Sơn La và Điện Biên;

đ) Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 3 có trụ sở tại thành phố Hải Phòng xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các tỉnh: Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên;

e) Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 3 có trụ sở tại thành phố Nam Định xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn các tỉnh: Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hà Nam và Hòa Bình;

f) Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 4 có trụ sở tại thành phố Vinh xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh;

g) Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 4 có trụ sở tại thành phố Huế xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế;

h) Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 5 có trụ sở tại thành phố Quy Nhơn xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai, Kon Tum;

i) Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5 có trụ sở tại thành phố Nha Trang xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn các tỉnh: Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đắk Lắk và Đắk Nông;

k) Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 7 có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh, xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Tây Ninh, Long An;

l) Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 7 có trụ sở tại thành phố Biên Hòa xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn các tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận và Lâm Đồng;

m) Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 9 có trụ sở tại thành phố Mỹ Tho xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn các tỉnh: Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Bến Tre và Trà Vinh;

n) Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 9 có trụ sở tại thành phố Cần Thơ xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tỉnh: Hậu Giang, Cà

Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, An Giang, Kiên Giang;

o) Tòa án quân sự khu vực Quân khu Thủ đô Hà Nội có trụ sở tại thành phố Hà Nội xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn thành phố Hà Nội và tỉnh Hà Tây;

p) Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân chủng Hải quân có trụ sở tại thành phố Hải Phòng xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn các tỉnh từ Bình Định trở ra mà bị cáo là người do các đơn vị của Quân chủng Hải quân quản lý; vụ án gây thiệt hại cho các đơn vị của Quân chủng Hải quân đóng quân trên địa bàn các tỉnh từ Bình Định trở ra.

q) Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân chủng Hải quân có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn các tỉnh từ Phú Yên trở vào mà bị cáo là người do các đơn vị của Quân chủng Hải quân quản lý; vụ án gây thiệt hại cho các đơn vị của Quân chủng Hải quân đóng quân trên địa bàn các tỉnh từ Phú Yên trở vào.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng trên Công báo và thay thế Quyết định số 2302/1999/QĐ-BQP ngày 24 tháng 11 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng “Về việc phân định địa bàn xét xử của các Tòa án quân sự”.

Đối với các vụ án mà các Tòa án quân

sự đã thụ lý trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục xét xử cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Điều 3. Các Tòa án quân sự, Viện kiểm sát quân sự và Cơ quan Điều tra hình sự trong quân đội có trách nhiệm thi hành Quyết định này khi thực hiện thẩm quyền điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Thủ trưởng

Trung tướng **Nguyễn Văn Đước**

BỘ THỦY SẢN

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Thủy sản số 13/2004/QĐ-BTS ngày 31/5/2004 về việc ban hành Tiêu chuẩn chức danh thuyền viên tàu kiểm ngư.

BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN

Căn cứ Nghị định số 43/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thủy sản;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Tiêu chuẩn cấp Ngành:

28TCN 203:2004 (Chức danh thuyền viên tàu kiểm ngư) làm căn cứ bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng có hiệu quả đội ngũ thuyền viên làm việc trên tàu kiểm ngư thuộc các cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong phạm vi toàn Ngành.

Điều 2. Tiêu chuẩn này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2005. Các quy định trước đây trái với quy định trong Tiêu chuẩn này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Thủ trưởng các Vụ, Cục; Thanh tra Bộ; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ; Giám đốc các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản; các Chi cục trưởng Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản có tàu kiểm ngư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN

Thủ trưởng

Lương Lê Phương